

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 08/2020/DS- ST

Ngày: 09/3/2020

V/v T/c hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thọ
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký tòa án , tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa: ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 02 và 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/ 2019/TLST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/ 2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/ QĐST- DS ngày 17 /01/ 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1979. Có mặt

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị P , sinh năm 1959. Vắng mặt lần thứ 2.

Địa chỉ : Khu 3, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và bà Lê Thị P là người làm ăn buôn bán với nhau, bà P nhiều lần vay tiền của chị rồi trả, đến ngày 05/01/2014 bà P chốt lại tổng nợ bà P còn nợ của chị số tiền là 58.000.000đ, năm 2015, 2016 bà P đã trả dần cho chị được số tiền là 16.330.000đ, số tiền hiện nay bà P còn nợ chị là 41.670.000đ, nhưng nay chị chỉ yêu cầu bà P phải trả cho chị số tiền 40.500.000đ , chị không yêu cầu bà P trả tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 23/9/2019 và tại biên bản hòa giải ngày 24/9/2019 bị đơn bà Lê Thị P trình bày :

Bà và chị Nguyễn Thị H là người cùng thị trấn V, có làm ăn buôn bán với nhau, bà có mượn của chị H số tiền là 55.000.000đ để chạy mía, lãi suất là 3000đ/triệu /ngày, bà trả lãi đầy đủ hàng tháng, đến tháng 7 /2013 bà bán đất và thanh toán cho chị H làm 2 lần: Lần thứ nhất 60.000.000đ (Sáu mươi triệu); Lần thứ 2 là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu), tổng cả hai lần trả là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu), những lần bà trả tiền đều yêu cầu chị H gạch sổ nợ nhưng chị H bảo không thấy sổ, bà cũng không yêu cầu chị H viết giấy đã nhận tiền của bà trả nợ. Nay bà cũng không có chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ cho chị H .

Nay chị H yêu cầu bà phải trả nợ 40.500.000đ bà không đồng ý, bà thừa nhận chữ ký trong giấy nợ mà chị H xuất trình tại tòa án là chữ ký của bà nhưng bà không đồng ý trả nợ.

Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa có ý kiến :

+ Về việc tuân theo pháp luật của tòa án và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán và hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của bộ luật TTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của bộ luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án : Căn cứ Điều 463; Điều 466; Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa , căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX nhận định

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết buộc bị đơn là bà Lê Thị P có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 3, thị trấn V, huyện T tỉnh Thanh Hóa trả nợ tiền vay, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng không tham gia tố tụng tại phiên tòa , căn cứ khoản 2 điều 227 bộ luật TTDS xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về quan hệ tranh chấp : Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày trước đây đã nhiều lần bà P vay tiền của chị , vay rồi lại trả, đến ngày 5/01/2014 thì bà P ghi giấy nợ lại số tiền 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng), các bên không thỏa thuận tiền lãi cũng như thời hạn trả nợ. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa chị H yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà P phải trả nợ số tiền còn nợ lại là 40.500.000đ, không yêu cầu tính lãi. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị P phải trả cho chị số tiền 40.500.000đ. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện chị H đã cung cấp cho tòa án một giấy có nội dung “ Ngày 5/1/2014 bà P g nợ lại 58.000.000đ” có chữ ký là Lê Thị P , ngoài ra chị H còn cung cấp thêm 2 tờ giấy phô tô có các nội dung ghi các lần bà P trả nợ cho chị hoặc chị H lấy đồ của bà P , thời gian từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 9/2017, là khoảng thời gian sau khi bà P viết giấy nhận còn nợ, theo chị H đây là tài liệu chị H chụp được bằng máy điện thoại từ sổ ghi của bà P nên chị không xuất trình được bản gốc, hơn nữa chị H cho rằng đây là tài liệu để chứng minh việc bà P viết giấy nợ lại vào thời điểm năm 2014 chứ không phải 2012 và từ năm 2014 bà P vẫn trả nợ cho chị H và chị H lấy đồ của bà P rồi trừ nợ. Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị P công nhận chữ viết, chữ ký trong giấy nợ lại ngày 5/1/2014 là của bà , nhưng bà không công nhận số “2014” mà cho rằng là số 2012 bị viết thêm thành 2014 và bà nại rằng bà đã trả cho chị H 2 lần với tổng số tiền là 85.000.000đ nhưng bà P không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà đã trả hết nợ cho chị H , chị H cũng thừa nhận trong năm 2015, 2016 bà Phượng đã trả cho chị được 16. 330.000, nay chị H chỉ yêu cầu bà P trả số nợ còn lại là 40.500.000đ. Việc chị H khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà Lê Thị P phải trả cho chị số tiền 40.500.000đ, là có cơ sở, cần chấp nhận.

Về lãi suất : Chị H không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí DSST, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 357; Điều 463; 466; Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; Khoản 1 Điều 147; khoản 2 điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 /12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án

Xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc buộc bà Lê Thị P phải trả số tiền vay còn nợ lại theo giấy ghi ngày 05/01/2014.

Buộc bà Lê Thị P phải trả một lần cho chị Nguyễn Thị H số tiền 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí : Bà Lê Thị P phải chịu 2.025.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị Nguyễn Thị H được nhận lại 1.050.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004707 ngày 28/8/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể ngày bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Thọ Xuân*
- *Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;;*
- *Lưu hồ sơ*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN TRỌNG HIỀN